

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 01 năm 2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Ngọc Tây
bà Nguyễn Thị Lý

- **Thư ký phiên tòa:** bà Hồ Thị Thư - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố N - Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 944/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1984
HKTT: thôn P1 - xã D - thị xã N - Khánh Hòa;
Tạm trú: hẻm 144/23 đường số 6, Liên khu 4-5 B - quận B - thành phố Hồ Chí Minh.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** ông Nguyễn Đức T - sinh năm 1979;
HKTT: thôn P1 - xã D - thị xã N - Khánh Hòa;
Chỗ ở: 404/6/6 đường L - phường P - thành phố N - Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/5/2023 và bản tự khai ngày 30/10/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: năm 2006, bà và ông Nguyễn Đức T tự nguyện yêu thương nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D - thị xã N - Khánh Hòa. Quá trình sống chung, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm và lối sống. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không thể hàn gắn. Hơn 03

năm nay, bà và ông T đã không còn quan tâm đến nhau. Đến nay, bà xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: vợ chồng bà có hai con chung Nguyễn Gia Đ (sinh ngày 13/01/2008) và Nguyễn Gia D (sinh ngày 11/02/2011). Sau ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia D, ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia Đ và không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 30/10/2023, bị đơn ông Nguyễn Đức T trình bày: ông và bà H kết hôn năm 2006. Trong quá trình sống chung, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, tất cả đều là do hiểu lầm. Bà H nộp đơn xin ly hôn, ông không đồng ý. Về con chung: ông và bà H có hai con chung Nguyễn Gia Đ (sinh ngày 13/01/2008) và Nguyễn Gia D (sinh ngày 11/02/2011). Nếu Tòa giải quyết ly hôn, ông có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Gia Đ, bà H nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia D, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông T; được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia D, ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia Đ và không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có. Ông T đồng ý với các yêu cầu của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D - thị xã N - Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 41 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà H cho rằng quá trình sống chung, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Ông T thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng đều là do hiểu lầm. Tại phiên tòa, ông T đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[2] Con chung: bà H, ông T có hai con chung là Nguyễn Gia Đ (sinh ngày 13/01/2008) và Nguyễn Gia D (sinh ngày 11/02/2011). Bà H và ông T đều thống nhất, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hưng và ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đạt. Không ai cấp cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[3] Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: không có.

[5] Về án phí: bà H nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia Đ (sinh ngày 13/01/2008) cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng T (*đủ 18 tuổi*). Giao con chung Nguyễn Gia D (sinh ngày 11/02/2011) cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng T (*đủ 18 tuổi*). Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Bà H, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà H, ông T đều có quyền thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị H nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000062 ngày 09/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự T phố N - Khánh Hòa. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố N;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố N;
- UBND xã D - thị xã N - Khánh Hòa (giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 21/8/2006);
- Các đương sự;
- Lưu.

Võ Thị Mai Phương